UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5556 /UBND-TD V/v trả lời ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung	*Thanh Hóa, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi: Ông Phạm Văn Bình (vợ là bà Đàm Thị Nhung),
ở số nhà 02/39, đường Đỗ Đại, phố Vệ Yên 3,
phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.

Việc ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung khiếu nại, nội dung: Năm 2014, UBND thành phố Thanh Hóa thu hồi đất để thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại đường Nguyễn Phục nhưng không bồi thường đất cho gia đình đã được Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa ban hành Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung. Không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, gia đình ông Phạm Văn Bình có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 16/7/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2809/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung.

Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh tại Công văn số 453-CV/VPTU ngày 26/02/2021 về việc rà soát lại vụ việc khiếu nại của gia đình ông Phạm Văn Bình, giải quyết theo quy định, đảm bảo chính xác, khách quan; trường hợp ông Bình, bà Nhung không đồng ý với kết quả giải quyết thì hướng dẫn ông Bình, bà Nhung khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân để được xem xét, giải quyết theo quy định. Ngày 09/3/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 2923/UBND-TD giao Thanh tra tỉnh thực hiện chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Công văn số 453-CV/VPTU ngày 26/02/2021, báo cáo Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Theo Báo cáo của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 627/BC-TTTH ngày 19/4/2021 về kết quả rà soát khiếu nại của ông Phạm Văn Bình (vợ là bà Đàm Thị Nhung), Chủ tịch UBND tỉnh trả lời ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung như sau:

I. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Khiếu nại và việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn Bình

a) Nội dung khiếu nại

Ông Phạm Văn Bình khiếu nại: Năm 2014, UBND thành phố Thanh Hóa thu hồi thửa đất số 692 và thửa đất số 722 (tờ bản đồ số 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011) để thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại Nam đường Nguyễn Phục nhưng không bồi thường cho gia đình ông. Ông Phạm Văn Bình đề nghị được bồi thường về đất tại thửa 692 và thửa 722 cho gia đình ông.

b) Việc giải quyết khiếu nại

Khiếu nại của ông Phạm Văn Bình đã được Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa giải quyết lần đầu tại Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 18/5/2020, với nội dung: Việc gia đình ông Phạm Văn Bình khiếu nại, yêu cầu bồi thường đối với diện tích 805,9m^2 đất thuộc thửa 692 và thửa 722, tờ bản đồ số 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng đo đạc năm 2011 khi UBND thành phố thu hồi để thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại Nam đường Nguyễn Phục nhưng không bồi thường là không có cơ sở.

Không đồng ý, ông Phạm Văn Bình tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Phạm Văn Bình với nội dung: "Việc ông Phạm Văn Bình, vợ là Đàm Thị Nhung khiếu nại và đề nghị được bồi thường đất cho gia đình ông, bà ở thửa số 692 và thửa số 722, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng đo đạc năm 2011 là không có cơ sở"; nếu ông Phạm Văn Bình, vợ là Đàm Thị Nhung không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đến nay ông Phạm Văn Bình chưa khởi kiện ra Tòa án nhân dân, tiếp tục có đơn đề nghị xem xét lại kết quả giải quyết khiếu nại.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả làm việc với ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung

Khu đất gia đình ông Phạm Văn Bình đang khiếu nại có nguồn gốc của ông Phạm Văn Đại (bố đẻ ông Phạm Văn Bình) để lại gồm thửa đất số 692, diện tích 193,1m^2 và thửa 722, diện tích 612,8m^2, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011, mục kê đều mang tên Phạm Văn Bình. Trên bờ của thửa 692 có 02 cây kè, bờ của thửa 722 có 19 cây kè.

Khi thực hiện MBQH 1949/UBND-QLĐT ngày 10/11/2010, UBND thành phố Thanh Hóa thu hồi đất, nhưng không bồi thường về đất cho gia đình ông Bình, bà Nhung, mà thu hồi thửa 722 và hỗ trợ đối với đất nông nghiệp do UBND phường Quảng Thắng quản lý; thu hồi thửa 692, nhưng lại bồi thường về đất cho bà Lê Thị Nhiên, bà Lê Thị Quỳ là không đúng quy định. Gia đình ông Phạm Văn Bình đề nghị được bồi thường về đất đối với hai thửa đất trên cho gia đình ông, bà.

2. Về hồ sơ quản lý đất đai

- Theo hồ sơ đo vẽ theo Chỉ thị 299, lập năm 1984, khu đất ông Bình đang khiếu nại thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 2; sổ mục kê thể hiện: chủ sử dụng là HTX, xứ đồng trước ông Kông, loại đất Ao, diện tích 1.052m^2.

- Theo Bản đồ địa chính xã Quảng Thắng đo vẽ năm 1994, khu đất ông Bình khiếu nại thuộc thửa 527, diện tích 564m^2 và thửa 529, diện tích 210m^2, tờ bản đồ số 3, mục kê thể hiện chủ sử dụng là HTX, loại đất 2L; một phần thửa 531, tờ bản đồ số 3, ký hiệu đất C, sổ mục kê ghi đất cồn, chủ sử dụng là HTX.

- Theo bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011, khu đất ông Bình khiếu nại thuộc thửa 692, tờ bản đồ số 11, diện tích 193,1m^2; thửa 722, tờ bản đồ số 11, diện tích 612,8m^2, mục kê tên Phạm Văn Bình.

- Theo tờ Trích lục bản đồ địa chính theo hiện trạng sử dụng đất thuộc Bản đồ đo đạc chỉnh lý số 193/ĐĐCLBĐ, tỷ lệ 1/1000 để phục vụ cho công tác GPMB do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 23/7/2014, khu đất ông Phạm Văn Bình khiếu nại thuộc các thửa:

+ Thửa 692-1, diện tích 160,1 m^2 do bà Lê Thị Nhiên đang sử dụng.

+ Thửa 692, diện tích 110,4 m^2 do bà Lê Thị Quỳ đang sử dụng.

+ Thửa 722, diện tích 654,5 m^2 là đất vắng chủ.

3. Kiểm tra việc giao đất kinh tế gia đình năm 1988

- Theo Biên bản hội nghị cán bộ mở rộng ngày 04/10/1988 của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng duyệt đất 10% (đất làm kinh tế gia đình theo Điều 27, Luật Đất đai năm 1987):

+ Nhà ông Đại Vởi (bố đẻ ông Bình, khi đó ông Bình chưa lập gia đình) được chia: Số khẩu 1 khẩu; đất 10% được 80 m^2; đã có 510 m^2 đất thổ cư (nhà ông Đại trước đó có 760 m^2 đất thổ cư - 250 m^2/hộ còn lại 510 m^2), 410 m^2 đất 5%; thừa: 430 m^2 đất thổ cư và thừa 410 m^2 đất 5%.

+ Nhà bà Nhiên: số khẩu 7 khẩu; đất 10%: 560 m^2; đã có: 400 m^2 đất ở, 100 m^2 đất 5%; thiếu 60 m^2 đất.

+ Nhà bà Quỳ: Số khẩu 6 khẩu; đất 10%: 480 m^2; đã có: 170 m^2 đất ở, 204 m^2 đất 5%; thiếu 106 m^2 đất.

Như vậy: Theo Biên bản Hội nghị cán bộ mở rộng duyệt đất 10% ngày 04/10/1988 của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng, gia đình ông Phạm Văn Đại không thiếu đất làm kinh tế gia đình; hộ bà Nhiên, bà Quỳ đang thiếu đất làm kinh tế gia đình theo hạn mức.

4. Kiểm tra việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài theo Nghị định 64-CP của Chính phủ

- Điều 1, Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định: *"Toàn bộ đất nông nghiệp đang được sử dụng thì giao hết cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, trừ đất giao cho các tổ chức, đất dùng cho nhu cầu công ích của xã theo Quy định này";* Điều 2, Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định: *"Đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp bao gồm đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản, các loại đất này gồm cả đất làm kinh tế gia đình trước đây hợp tác xã giao, đất vườn, đất xâm canh, đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hoá được xác định để sản xuất nông nghiệp".* Căn cứ các quy định trên thì toàn bộ đất nông nghiệp do HTX giao khoán, đất làm kinh gia đình (đất 10%) được giao ổn định, lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân.

- Theo sổ giao ruộng đất lâu dài năm 1995 lưu tại UBND phường Quảng Thắng, hộ ông Phạm Văn Đại được giao 481m^2 đất nông nghiệp; hộ bà Lê Thị Nhiên được giao 3.174m^2 đất nông nghiệp; hộ ông Lê Đình Hưng

(chồng bà Lê Thị Quỳ) được giao 2.715m^2 đất nông nghiệp. Các thửa đất đang có khiếu nại, (thửa 527, 529 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 1994) không được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng, sổ mục kê tên chủ sử dụng là HTX.

- Theo giải trình của UBND phường Quảng Thắng: Khi thực hiện giao đất nông nghiệp ổn định, lâu dài cho nông dân, UBND xã Quảng Thắng chỉ thực hiện giao và lập sổ theo dõi đối với diện tích đất đã được HTX giao khoán; Đối với đất 10% làm kinh tế gia đình do HTX nông nghiệp giao cho các hộ trước đây, UBND xã Quảng Thắng không đưa vào giao ổn định lâu dài, nhưng vẫn để cho các hộ dân sử dụng và không có hồ sơ quản lý, theo dõi đối với loại đất này.

5. Việc kiểm kê, giải phóng mặt bằng

- Ngày 19/12/2013, Ban quản lý ĐTXD công trình cơ bản thành phố Thanh Hóa ký Hợp đồng số 12/HĐKT với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa để đo vẽ, trích lục bản đồ khu đất thực hiện MBQH 1949/UBND-QLĐT ngày 10/11/2010.

- Theo Tờ đo đạc chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính theo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa lập, ngày 04/3/2014, thì kích thước, hình thể các thửa 692, thửa 722 trùng khớp với Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng đo vẽ năm 2011.

- Theo Tờ đo đạc chỉnh lý bản Trích lục bản đồ địa chính theo hiện trạng sử dụng đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa lập ngày 23/7/2014, kích thước, hình thể các thửa đất, tên chủ sử dụng đã thay đổi so với hồ sơ địa chính phường Quảng Thắng đo vẽ năm 2011.

Việc lập tờ đo đạc chỉnh lý trích lục như trên là không đúng quy định, vì:

+ Trường hợp Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa trích đo địa chính, thì phải có hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản bàn giao kết quả đo đạc, có xác nhận của người sử dụng đất theo Phụ lục 12, Thông tư số 55/2013/TTBTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thành lập bản đồ địa chính. Kết quả làm việc, Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố Thanh Hóa báo cáo không có các loại hồ sơ như trên.

+ Trường hợp Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa lập trích lục bản đồ phục cho công tác GPMB, thì thông tin thửa đất phải phù hợp theo bản đồ địa chính phường Quảng Thắng đo vẽ năm 2011, theo Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT.

Như vậy, kết quả lập Tờ đo đạc chỉnh lý trích lục bản đồ, chia thửa đất 692 thành hai thửa: thửa 692 do bà Lê Thị Quỳ sử dụng và thửa 692-1 do bà Lê Thị Nhiên sử dụng là không có căn cứ và không đúng quy định.

- Kết quả xác minh thể hiện: Hội đồng GPMB, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa, UBND phường Quảng Thắng đã thực hiện không đúng quy trình trong việc lập trích đo địa chính, trích lục bản đồ, không có kết quả đo đạc, mà lấy Biên bản Hội nghị cán bộ mở rộng duyệt đất 10% ngày 04/10/1988 của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng làm

căn cứ để xác định chủ sử dụng đất, tự điều chỉnh thay đổi kích thước thửa đất, chủ sử dụng trên bản đồ.

6. Việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất

Theo Biên bản Hội nghị ngày 01/7/2015 của UBND phường Quảng Thắng xác định:

- Hộ bà Lê Thị Quỳ đang sử dụng đất có nguồn gốc được giao trước năm 1993, sử dụng không tranh chấp, lấn chiếm và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước; đề nghị bồi thường diện tích 110 m^2 đất nông nghiệp tại thửa 692, tờ bản đồ số 11; 200 m^2 đất nông nghiệp tại thửa 751, tờ bản đồ số 11.

- Hộ bà Lê Thị Nhiên đang sử dụng đất có nguồn gốc được giao trước năm 1993, sử dụng không tranh chấp, lấn chiếm và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước; đề nghị bồi thường diện tích 160m^2 đất nông nghiệp tại thửa 692-1, tờ bản đồ số 11.

Kết quả xác minh, cho thấy: UBND phường Quảng Thắng xác định bà Nhiên, bà Quỳ đủ điều kiện được bồi thường về đất, trong khi không có tên trong sổ giao ruộng đất lâu dài theo Nghị định 64-CP, không có hồ sơ, tài liệu chứng minh đất sử dụng trước năm 1993 là không có cơ sở.

Ngoài ra, theo biên bản Biên bản Hội nghị cán bộ mở rộng duyệt đất 10% của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng ngày 04/10/1988, bà Nhiên thiếu 60 m^2 đất 10%; bà Quỳ thiếu 106 m^2 đất 10%. Nhưng theo kết quả xét nguồn gốc đất, thì bà Nhiên lại được đề nghị bồi thường 160 m^2/60 m^2 đất 10%; bà Quỳ được đề nghị bồi thường 310 m^2/106 m^2 đất 10% là không phù hợp.

7. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Quảng Thắng đang quản lý để tổ chức bồi thường, GPMB thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại Nam đường Nguyễn Phục, tổng diện tích: 7.335,8m2 , trong đó có thửa 752, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng lập năm 1994, diện tích 612,8m^2.

- Quyết định số 7206/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thu hồi 301 m^2 đất do hộ bà Lê Thị Quỳ đang sử dụng tại phường Quảng Thắng để tổ chức bồi thường, GPMB thực hiện dự án.

- Quyết định số 7212/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thu hồi đất do hộ bà Lê Thị Nhiên đang sử dụng tại phường Quảng Thắng để tổ chức bồi thường, GPMB thực hiện dự án, tổng diện tích bị thu hồi 160m^2, thửa 537+529, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng đo vẽ năm 1994.

- Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB) của các hộ phường Quảng Thắng, trong đó hỗ trợ đất công ích đối với diện tích 612,8m^2 cho UBND phường Quảng Thắng.

- Quyết định số 5840/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND thành phố về phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB) của các hộ tại phường Quảng Thắng và phường Đông Vệ, trong đó: Hội người cao tuổi phố 4, phường Quảng Thắng (đại diện là bà Nguyễn Thị Hương) được bồi thường 5.814.000 đồng về cây cối, hoa màu.

- Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB) của các hộ xã Quảng Thắng, Đông Vệ:

+ Hộ bà Lê Thị Quỳ được bồi thường đối với 310m^2 đất là: 53.940.000đ, gồm: 20.150.000 đồng tiền đất; 3.565.000 đồng cây cối hoa màu; hỗ trợ chuyển đổi việc làm: 30.225.000 đồng.

+ Hộ bà Lê Thị Nhiên được bồi thường đối với 160m^2 đất là: 27.840.000 đồng, gồm: 10.400.000 đồng tiền đất; 1.840.000 đồng cây cối hoa màu; hỗ trợ chuyển đổi việc làm: 15.600.000 đồng.

8. Kết quả xác minh một số người liên quan

a) Kết quả xác minh làm việc với bà Nguyễn Thị Hương, nguyên Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi phố Vệ Yên 4

Thửa đất 722, tờ bản đồ số 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011 được UBND phường Quảng Thắng giao cho Chi Hội người cao tuổi phố Vệ Yên 4 trực tiếp quản lý, sử dụng (không rõ thời gian được giao). Năm 2012, ông Lê Hữu Đồng (đã chết) - nguyên Chi hội trưởng Hội người cao tuổi phố Vệ Yên 4, giao cho ông Đàm Sỹ Máy (đã chết) canh tác trên thửa đất 722, mỗi năm gia đình ông Máy đóng cho Chi Hội người cao tuổi số tiền 120.000 đồng. Tuy nhiên việc giao khoán không được thể hiện trên hồ sơ, sổ sách.

Năm 2016, Chi hội người cao tuổi phố 4 Vệ Yên (đại diện là bà Nguyễn Thị Hương) đã nhận 5.814.000 đồng, là số tiền bồi thường hoa màu (rau cần) trên thửa đất 722.

b) Kết quả xác minh làm việc với những người sinh sống cùng thời kỳ

- Kết quả xác minh làm việc với nguyên trưởng khu phố Vệ Yên 3, khu phố Vệ Yên 4 khẳng định: Hộ bà Lê Thị Nhiên không được giao đất 10% tại thửa 692-1. Đối với thửa số 722, trước năm 1989 do Đội chăn nuôi lợn của HTX Quảng Thắng sử dụng. Sau khi giải thể, đất được giao cho Chi Hội người cao tuổi xóm 4 (nay là phố Vệ Yên 4) sử dụng.

- Kết quả xác minh làm việc với 05 hộ dân đã sinh sống, biết về quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương, thể hiện: thửa số 722 do Chi Hội người cao tuổi xóm 4 sử dụng từ sau năm 1994. Đối với thửa đất 692, các hộ xác nhận bà Lê Thị Quỳ có canh tác, trồng rau muống, rau cần.

c) Kết quả làm việc với bà Lê Thị Nhiên

Bà Lê Thị Nhiên báo cáo: Bà chỉ được giao 01 thửa đất % kinh tế hộ gia đình năm 1988, vị trí thửa đất nằm giáp phía Bắc thửa đất ở của hộ bà Nhiên. Tuy nhiên, bà Nhiên không xác định được tên thửa đất.

Bà Nhiên khẳng định đất % của gia đình bà Nhiên không nằm trên thửa đất 692, tờ bản đồ 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011. Thời điểm kiểm kê thực hiện dự án Nam đường Nguyễn Phục (năm 2014), cán bộ địa chính phường Quảng Thắng có xuống thực địa kiểm tra hiện trạng và ghép diện tích đất % kinh tế hộ của bà Nhiên vào thửa đất 692.

d) Kết quả làm việc với bà Lê Thị Quỳ

Theo bà Lê Thị Quỳ, trước đây, diện tích đất % của gia đình bà nằm ở khu vực cửa Chùa. Sau đó, HTX đã chuyển đổi diện tích đất % của gia đình bà Quỳ sang vị trí nằm giáp mương xây là thửa 751, tờ bản đồ số 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011 và một phần diện tích giáp đất bà Lê Thị Lựu, giáp bờ tre nhà bà Nhiên.

III. KẾT LUẬN

1. Đối với việc quản lý đất đai tại phường Quảng Thắng

- Theo Biên bản Hội nghị cán bộ mở rộng duyệt đất 10% ngày 04/10/1988 của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng, gia đình ông Phạm Văn Đại không thiếu đất làm kinh tế gia đình.

- Theo Sổ giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Quảng Thắng năm 1995, các thửa đất đang có khiếu nại (thửa 527, thửa 529 tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 1994) không được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng, sổ mục kê tên chủ sử dụng là HTX.

- UBND phường Quảng Thắng qua các thời kỳ đã không theo dõi quản lý phần diện tích đất 10% kinh tế gia đình do Hợp Tác xã giao cho các hộ trước đây. Đến năm 1995, khi thực hiện giao đất ổn định lâu dài theo Nghị định 64-CP, đã không đưa diện tích đất kinh tế gia đình vào giao ổn định lâu dài, mà vẫn để cho các hộ dân sử dụng, nhưng không có hồ sơ, sổ sách để theo dõi, quản lý.

- Hội đồng GPMB, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa, UBND phường Quảng Thắng đã không thực hiện đúng quy trình trong việc lập trích đo địa chính, trích lục bản đồ, không có kết quả đo đạc, lấy Biên bản Hội nghị cán bộ mở rộng duyệt đất 10% ngày 04/10/1988 của Hợp tác xã Nông nghiệp xã Quảng Thắng làm căn cứ để xác định chủ sử dụng đất, tự thay đổi kích thước thửa đất, chủ sử dụng trên bản đồ, mà không căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất là trái quy định về các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của việc lập, chỉnh lý, quản lý, sử dụng bản đồ địa chính và trích đo địa chính thửa đất, quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- UBND phường Quảng Thắng xác nhận nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất, đề nghị bồi thường về đất cho bà Lê Thị Nhiên, bà Lê Thị Quỳ do đất được Nhà nước giao đất từ trước năm 1993, sử dụng ổn định, không tranh chấp, trong khi các hộ không có bất cứ tài liệu, hồ sơ, giấy tờ về đất đai theo quy định tại Điều 100, Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

số điều của Luật Đất đai; không có hồ sơ tài liệu để chứng minh đất đã sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không đúng quy định.

2. Về thửa đất số 722

- Kết quả xác minh, rà soát cho thấy: Thửa đất 722, tờ bản đồ số 11, Bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011: Trước cải cách ruộng đất (năm 1954) hộ ông Phạm Văn Đại (bố đẻ ông Phạm Văn Bình) có sử dụng, trên bờ ao có một số cây kè do ông Đại đã trồng từ trước đây. Tuy nhiên, thực hiện chính sách về đất đai qua các thời kỳ, HTX và UBND xã Quảng Thắng đã không giao cho ông Đại sử dụng, đưa vào quản lý và giao cho Hội người cao tuổi phường sử dụng từ trước năm 1990. Đến năm 1995 khi giao đất nông nghiệp ổn định, lâu dài theo Nghị định 64-CP, thửa đất này không được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

- Khi đo vẽ lập bản đồ địa chính năm 2011, thể hiện trên bản đồ, chủ sử dụng đất là ông Phạm Văn Bình, nhưng quá trình xác minh thể hiện gia đình ông Phạm Văn Đại, sau đó đến ông Phạm Văn Bình không sử dụng thửa đất này.

- Căn cứ quy định tại Khoản 5, Điều 26, Luật Đất đai năm 2013: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*", thì việc ông Phạm Văn Bình khiếu nại, yêu cầu được bồi thường về đất đối với thửa đất số 722 là không có cơ sở.

3. Về thửa đất số 692

- Năm 1995 khi giao đất nông nghiệp ổn định, lâu dài theo Nghị định 64- CP, thửa đất này không được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

- Đến năm 2011, khi đo vẽ lập bản đồ địa chính, thể hiện trên bản đồ, chủ sử dụng đất là ông Phạm Văn Bình, nhưng qua xác minh làm việc với một số người đã sinh sống, biết về quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương, thể hiện gia đình ông Phạm Văn Bình không sử dụng thửa đất này. Trên thửa đất chỉ có bà Lê Thị Quỳ và bà Lê Thị Lựu (đã chết năm 2013) sử dụng, nhưng không xác định được ranh giới sử dụng đất cụ thể của bà Quỳ và bà Lựu.

- Kết quả làm việc với bà Lê Thị Nhiên thể hiện: Bà Nhiên không sử dụng đất tại thửa đất số 692, mà sử dụng đất ở nơi khác.

- Kết quả làm việc với bà Lê Thị Quỳ thể hiện: Bà Quỳ khẳng định có sử dụng đất tại thửa đất 692 cùng với bà Lê Thị Lựu sử dụng, để trồng các loại rau muống, rau cần nên không có ranh giới bờ thửa.

- Như vậy, việc ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung khiếu nại, đòi bồi thường về đất đối với thửa đất 692, do đất có nguồn gốc cha ông để lại, là không có cơ sở.

- Từ việc thực hiện trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa, việc xác định nguồn gốc đất của

UBND phường Quảng Thắng không có căn cứ, không đúng quy định, dẫn đến bồi thường cho bà Lê Thị Quỳ nhưng không có căn cứ xác định diện tích được bồi thường; bồi thường cho bà Lê Thị Nhiên nhưng trên thực tế bà Nhiên không sử dụng đất.

Như vậy, khiếu nại của ông Phạm Văn Bình, vợ là Đàm Thị Nhung đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hàn Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai. Qua rà soát, việc ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung khiếu nại đòi bồi thường về đất đối với thửa đất số 692, thửa đất số 722, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính phường Quảng Thắng năm 2011 là không có cơ sở. Trường hợp ông Phạm Văn Bình, bà Đàm Thị Nhung không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh thì ông, bà có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Chủ tịch UBND tỉnh trả lời để ông Phạm Văn Bình (vợ là bà Đàm Thị Nhung) biết và chấp hành theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày ban hành văn bản này, Chủ tịch UBND tỉnh không tiếp, không xem xét, trả lời lại nội dung đơn nêu trên của ông Phạm Văn Bình (bà Đàm Thị Nhung)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Lưu: VT, TD.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Cao Thanh Tùng